

Bản án số: 872/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2020

V/v: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hữu Thắng

2. Bà Phan Thị Bé

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Thu, Thư ký
Tòa án nhân dân Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 tham gia phiên tòa: Bà Trần Võ
Hong Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 264/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: 1125C khu phố T1, phường L, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Ngô Văn H, sinh năm 1970(vắng mặt)

Địa chỉ: 142 Nguyễn Văn T2, khu phố 1, phường L, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY:

Trong đơn xin ly hôn ngày 25/02/2020 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Ngô Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân phường L, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 155/2004 ngày 12/10/2004. Cuộc sống chung từ khi bắt đầu đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông H cờ bạc, không lo cho gia đình, đánh đập vợ con. Bà và ông H sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Thời gian ly thân, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống, không có kinh tế chung, ông H không phụ tiền nuôi con. Bà xác định không còn tình cảm với ông H, không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có hai người con chung Ngô Yến Th, sinh ngày 11/10/2005 và Ngô Hoàng Triệu V, sinh ngày 16/8/2008. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Ngô Văn H dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông H, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung tên Ngô Yến Th, sinh ngày 11/10/2005 và Ngô Hoàng Triệu V, sinh ngày 16/8/2008, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có. Nợ chung: Không có.

Ông Ngô Văn H vắng mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Văn H đã được Ủy ban nhân dân phường L, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 155/2004 ngày 12/10/2004. Bà T yêu cầu ly hôn với lý do cuộc sống chung giữa hai vợ chồng không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn và ông Ngô Văn H cư trú tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Ngô Văn Hg dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án

tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Theo lời khai của bà T thì vợ chồng bà tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2004. Cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn do ông H không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án hôn nhân gia đình do bà Nguyễn Thị T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Ngô Văn H. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật cho ông H đến Tòa án để ghi lời khai, hòa giải nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, chưa thực sự coi trọng tình nghĩa vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”*

Xét quá trình sống chung giữa đôi bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, đôi bên ly thân thời gian dài, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà T yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông H là có cơ sở giải quyết.

[3.2] Về con chung: Tại bản ghi nguyện vọng ngày 07/7/2020 của người con Ngô Yến Th và Ngô Hoàng Triệu V đều xác định hiện đang ở với bà Nguyễn Thị T và đều có nguyện vọng ở với bà T.

Xét bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung là phù hợp với nguyện vọng của các con, đảm bảo sự ổn định cho các con nên có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[3.4] Về tài sản chung: Bà T khai không có tài sản chung.

[3.5] Về nợ chung: Bà T khai không có nợ chung.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà T phải nộp nhưng được cản trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0013371 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Ngô Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 155/2004, quyển số 01 ngày 12/10/2004 do Ủy ban nhân dân phường L, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Ngô Văn H và bà Nguyễn Thị T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung Ngô Yến Th, sinh ngày 11/10/2005 và Ngô Hoàng Triệu V, sinh ngày 16/8/2008. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Ngô Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị T phải nộp nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0013371 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 9;
- Chi cục THADS Quận 9;
- UBND p. L, Quận 9;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo